

Bản án số: 02 /2017/HNST

Ngày: 21-7-2017

V/v: Ly hôn
giữa bà L và ông N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Huy

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Liên;

2. Ông Lê Mạnh Hậu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thạch - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 21-6-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Khu dân cư số 8, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm: 1968

Nơi cư trú cuối cùng: Khu dân cư số 5, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22-12-2016 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Lâm Thị L trình bày:

Năm 2004, bà Lâm Thị L và ông Trần Thanh N đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 188/quyển số 02 ngày 23-8-2004. Ban đầu hai người chung sống hạnh

phúc, kết quả là có với nhau 02 người con chung là cháu Trần Thị Thùy D, sinh năm: 1994 và cháu Trần Nhật L, sinh ngày 17-8-2004. Đến năm 2011, mâu thuẫn giữa hai người phát sinh, nguyên nhân là do ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không chịu làm ăn, nuôi dưỡng các con. Mặc dù đã cố gắng khuyên can, chịu đựng để tiếp tục cuộc sống gia đình nhưng ông N vẫn chứng nào tật ấy. Từ năm 2013 đến nay, hai ông bà sống ly thân, 02 con chung hiện vẫn ở với bà L từ đó đến nay; còn ông N tại thời điểm bà nộp đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn thì ông N đang sinh sống với người phụ nữ khác tại Khu 5, Côn Đảo. Đến nay đã bỏ đi khỏi Côn Đảo không rõ địa chỉ. Tại phiên tòa hôm nay bà L xác nhận hiện nay không còn tình cảm với ông N, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung: Bà Lâm Thị L và ông Trần Thanh N có 02 (hai) người con chung là cháu Trần Thị Thùy D, sinh năm: 1994 và cháu Trần Nhật L, sinh ngày 17 - 8 - 2004. Cháu D đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa xem xét; đối với cháu Trần Nhật L bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Thanh N không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Trần Thanh N, ông N đã nhận và ký nhận tại Bút lục số 24. Các văn bản tố tụng sau đó, Tòa án tiến hành tổng đạt nhưng ông N thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng sau đó cũng như cho đến phiên tòa hôm nay, ông N không liên hệ với Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến gì về vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Côn Đảo phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay cơ bản Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên thời hạn giải quyết vụ án bị trễ, cần rút kinh nghiệm. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với ông N; đồng thời giao cháu Trần Nhật L cho bà L nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông N không phải cấp dưỡng; về tài sản, công nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, ông N đã nhận thông báo, đã biết được việc Tòa án đang giải quyết vụ án. Quá trình tổng đạt văn bản tố tụng sau đó, Thư ký Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ cho bị đơn nhưng bị đơn cố tình trốn tránh, không nhận văn bản của Tòa án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, căn điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xử vắng mặt ông N.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông N đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Y, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của bà L và ông N là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, bà L, ông N đã phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên bỏ bê gia đình, không chăm lo cho con chung và đời sống chung vợ chồng; từ năm 2013, vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Hôn nhân lâm vào trầm trọng, tình trạng vợ chồng giữa bà L, ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, một lần nữa bà L cũng xác định giữa bà và ông N không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Hội đồng xét xử cho bà được ly hôn với ông N. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[3] *Về nuôi con chung*: Xét thấy yêu cầu của bà L được nuôi con chung là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 17-8-2004 và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Lâm Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị L được ly hôn với ông Trần Thanh N.
- Về con chung: Bà Lâm Thị L được nuôi con chung là cháu Trần Nhật L, sinh ngày 17-8-2004, ông Trần Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Thanh N được thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số TU/2016/0000701 ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- UBND xã Tây Yên;
- THADS huyện Côn Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa